|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ––––– |  | **Độc lập** – **Tự do** – **Hạnh phúc** |
|  |  | ––––––––––––––––––––––––– |
|  |  |  |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí**

(*Kèm Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2019 của Bộ Tài chính*)

–--------------–––

Triển khai Luật phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

Qua 02 năm thực hiện, đã đạt được kết quả nhất định, tuy nhiên cũng phát sinh một số bất cập cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP để phù hợp với tình hình thực tế.

**I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Hệ thống văn bản được ban hành kịp thời, đồng bộ**

Sau khi Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và ban hành 122 Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

Đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh: Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí được triển khai khẩn trương đáp ứng yêu cầu về chất lượng, thời hạn (các văn bản quy phạm pháp luật đều được ký ban hành trước ngày 15/11/2016 để đảm bảo hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, ngày Luật phí và lệ phí có hiệu lực), để đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, lệ phí không gián đoạn.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí được ban hành đã tạo khung pháp lý rõ ràng cho tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí; góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí đầu vào của sản xuất kinh doanh và phục vụ tốt quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

**2. Về quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí**

a) Theo quy định hiện hành, phí, lệ phí thuộc NSNN được quản lý, sử dụng như sau:

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN.

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp NSNN.

b) Qua theo dõi tình hình thu nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí cho một số kết quả cụ thể như sau:

- Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đúng quy định về thu, nộp, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả số thu phí, lệ phí được để lại:

+ Các khoản thu phí, lệ phí về cơ bản đã được nộp kịp thời vào NSNN và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

+ Phần phí để lại cho các đơn vị sử dụng được quản lý, hạch toán và quyết toán theo đúng quy định. Trong công tác dự toán thu NSNN, thường xuyên rà soát và căn cứ kết quả số thu phí, lệ phí hàng năm để xây dựng dự toán ngân sách, kịp thời tổng hợp và thông báo công khai trong dự toán thu chi ngân sách được giao và phân bổ cho các đơn vị để đảm bảo việc sử dụng tiền phí tiết kiệm, hiệu quả.

- Việc thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí được thực hiện công khai, minh bạch tạo điều kiện cho người nộp phí, lệ phí nắm vững quy định của pháp luật và tham gia vào quá trình giám sát các cơ quan thu phí, lệ phí bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Cơ chế quản lý phí đảm bảo đồng bộ với các cơ chế tài chính của đơn vị thu: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác; tạo điều kiện cho các đơn vị tăng tính tự chủ và hướng đến xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công có cung cấp dịch vụ thu phí.

**II. MỘT SỐ TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC**

Bên cạnh những kết quả đạt được như nêu trên, quá trình thực hiện chính sách phí và lệ phí, đã phát sinh một số tồn tại, vướng mắc, cụ thể như sau:

**1. Về để lại tiền phí cho tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước**

a) Quy định pháp luật

- Tại Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

*1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.*

*Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:*

*a) Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.*

*b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.*

*c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.*

Theo quy định nêu trên, các cơ quan nhà nước thu phí đều thuộc diện khoán chi và được để lại 1 phần hoặc toàn bộ tiền phí thu được gồm:

(i) Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước,

(ii) Cơ quan nhà nước được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (TTCP) hoặc Chính phủ [[1]](#footnote-1).

(iii) Cơ quan công an, quốc phòng áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

b) Thực tế thực hiện

Việc để lại tiền phí thu được cho cơ quan nhà nước thu phí đã góp phần quan trọng thu hút và giữ được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn; đồng thời, có nguồn lực để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, phát sinh bất cập: Một số cơ quan có nguồn thu lớn đã xin Chính phủ, TTCP cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, trong đó, có sử dụng nguồn tiền phí để lại; một số cơ quan nhà nước (Cục Tần số, Cục Viễn Thông, Cục Phát thanh truyền hình - Bộ Thông tin và Truyền Thông) đã trình TTCP quyết định cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp.

Cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị tạo ra sự chênh lệch thu nhập giữa các vị trí công việc tương đương giữa các đơn vị trong cùng một Bộ, ngành (giữa đơn vị được hưởng cơ chế và đơn vị không được hưởng cơ chế); giữa các cơ quan, đơn vị cùng thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước. Thực tế cho thấy, nhiều vị trí công việc quan trọng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là những đơn vị (Vụ, Cục) làm công tác hoạch định chính sách nhưng không có nguồn thu, không được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị nên không có thu nhập tăng thêm; trong khi đó cán bộ trong các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị lại được hưởng thu nhập, tiền lương cao hơn, mặc dù tính chất công việc có thể không phức tạp và quan trọng bằng vị trí công việc tại đơn vị hoạch định chính sách. Ngay trong cùng đơn vị, việc cho phép hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm áp dụng chung cho toàn bộ cán bộ, công chức mang tính cào bằng, bình quân chủ nghĩa, làm giảm tác động khuyến khích người lao động nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ;

Thực hiện chỉ đạo của Phó TTCP Vương Đình Huệ tại Thông báo số 555/TB-VPCP ngày 30/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về rà soát các đơn vị quản lý hành chính áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị, Bộ Tài chính đã có công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018 báo cáo TTCP:

*- Cho phép các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù đến hết năm 2020 để tạo điều kiện cho các cơ quan này có thêm thời gian hoàn thiện quy định về chế độ công chức, công vụ và biên chế;*

*- Sau năm 2020:* *áp dụng thống nhất cơ chế tài chính đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.*

Tại văn bản số 10886/VPCP-KTTH ngày 09/11/2018, TTCP Nguyễn Xuân Phúc đã có ý kiến “*Cơ bản đồng ý với nội dung báo cáo và các kiến nghị của Bộ Tài chính. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Chỉ thị của TTCP về tổng rà soát các đơn vị quản lý hành chính áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị, trong đó lưu ý các giải pháp cần phù hợp với Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 khoá XII, đúng thẩm quyền; đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị có thời gian chuyển tiếp phù hợp khi thực hiện điều chỉnh cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị để giảm thiểu tác động, ảnh hưởng đến thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.”*

Thực hiện Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 01/11/2019 của Chính phủ về Báo cáo về cơ chế tài chính gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, Bộ Tài chính đã thừa ủy quyền TTCP ký văn bản số 591/BC-CP ngày 27/11/2019 báo cáo UBTVQH về cơ chế tài chính gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Trong đó, có nội dung:

*Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có thu phí theo Luật Phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN; được NSNN cân đối, bảo đảm kinh phí hoạt động. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước vừa cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước thì cần rà soát để xác định rõ mô hình hoạt động của cơ quan với cơ chế tài chính phù hợp; trong đó bảo đảm nguyên tắc nếu có thu phí theo Luật phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN và được NSNN cân đối, đảm bảo kinh phí hoạt động.*

Từ năm 2021, áp dụng cơ chế tiền lương mới theo Nghị quyết Trung ương thì các cơ chế tài chính từ nguồn thu phí cần được cải cách đồng bộ.

**2. Về thuế đối với tiền phí để lại cho doanh nghiệp được giao thu phí**

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP đã quy định: *3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.*

Quá trình thực hiện có ý kiến đề nghị quy định rõ tiền phí để lại cho doanh nghiệpcó chịu thuế (GTGT, TNDN) không? Để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện kê khai thuế và cơ quan quản lý thuế theo dõi, quản lý thu thuế.

Để đảm bảo rõ ràng, minh bạch cần nghiên cứu sửa đổi, nội dung này.

**3. Quy định về chuyển nguồn**

Tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định về chuyển nguồn như sau: *“5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.”*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì tiền phí để lại cho doanh nghiệp thu phí là doanh thu của doanh nghiệp. Theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về thuế thì doanh nghiệp có quyền quyết định sử dụng phần doanh thu (từ tiền phí). Doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế và sử dụng tiền của mình mà không cần phải thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP nêu trên.

Như vậy, việc quy định chuyển nguồn đối với doanh nghiệp thu phí là không cần thiết.

**4.** **Về trách nhiệm của các Bộ, ngành**

- Tại Điều 20 Luật phí và lệ phí quy định về trách nhiệm của các Bộ như sau: *4. Kiến nghị với Bộ Tài chính về những hoạt động cần thu phí, lệ phí, để Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí; kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý*.

- Tại Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

*1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:*

*a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính), .....*

*3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:*

*a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.*

Quy định nêu trên chỉ phù hợp đối với khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính; chưa thể hiện rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Dẫn đến các Bộ, ngành chưa tập trung trách nhiệm của mình trong việc xây dựng đề xuất thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Chẳng hạn như phí BVMT đối với khí thải, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn đề nghị các Bộ, ngành xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính xây dựng Nghị định trình Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ chưa đề xuất.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Về để lại tiền phí cho tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước**

Tại Báo cáo số 591/BC-CP ngày 27/11/2019 báo cáo UBTVQH về cơ chế tài chính gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đã báo cáo:

*Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có thu phí theo Luật Phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN; được NSNN cân đối, bảo đảm kinh phí hoạt động. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước vừa cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước thì cần rà soát để xác định rõ mô hình hoạt động của cơ quan với cơ chế tài chính phù hợp; trong đó bảo đảm nguyên tắc nếu có thu phí theo Luật phí và lệ phí thì nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN và được NSNN cân đối, đảm bảo kinh phí hoạt động.*

Theo nội dung trên thì cần nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP theo hướng cơ quan nhà nước thu phí thì phải nộp toàn bộ vào NSNN, NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Tuy nhiên, đối với phí do Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu cần được để lại tiền phí với lý do:

- Trong điều kiện chi NSNN cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài còn hạn chế; cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn chưa đảm bảo cơ bản cho công tác đối ngoại; hiện trạng cơ sở vật chất của các Cơ quan đại diện Việt nam ở nước ngoài chưa xứng tầm là bộ mặt của quốc gia trên trường quốc tế, số tiền phí được để lại đã đóng vai trò là nguồn lực quan trọng để hỗ trợ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, đổi mới thiết bị, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và ngoại ngữ; bổ sung thu nhập cho cán bộ công chức viên chức, người lao động.

- Nhờ nguồn thu được để lại Cơ quan đại diện ở nước ngoài đã có thể chủ động, kịp thời có kinh phí để đảm bảo các điều kiện làm việc cho cán bộ trong môi trường đối ngoại; cải thiện đáng kể bộ mặt của quốc gia trên trường quốc; đồng thời thực hiện được cơ bản các chế độ chính sách cho CBCC-VC người lao động, hạn chế chảy máu chất xám, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, hoàn thành được các nhiệm vụ chính trị giao, đặc biệt là đối với những trường hợp đột xuất, cấp bách phát sinh ngoài dự toán. Vì vậy, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù (trong đó, có sử dụng tiền phí được để lại) theo Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động đối ngoại (Nghị định được ban hành trên cơ sở ý kiến đồng ý của UBTVQH, tại công văn số 189/UBTVQH-TCNS ngày 28/9/2017).

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP theo hướng: *1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do NSNN đảm bảo. Riêng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại (nếu có) nộp NSNN.*

**2. Về thuế đối với tiền phí để lại cho doanh nghiệp được giao thu phí**

Tại Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định: *Phí là khoản thu thuộc NSNN, không chịu thuế*; và giao: *Chính phủ quy định chi tiết Điều này*. Chính phủ đã quy định: Số tiền phí được để lại cho doanh nghiệp thu phí là doanh thu của doanh nghiệp (khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP).

a) Theo quy định tại Luật phí và lệ phí thì: dịch vụ công do Nhà nước (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao) cung cấp thì thực hiện thu phí (phí thuộc NSNN không chịu thuế). Cùng dịch vụ này, doanh nghiệp cung cấp thì thực hiện thu theo cơ chế giá (phí không thuộc NSNN doanh nghiệp khai nộp thuế theo quy định).

Chẳng hạn, dịch vụ công chứng: Phòng Công chứng thực hiện công chứng - thu phí (không chịu thuế); Văn phòng công chứng thực hiện công chứng – thu giá dịch vụ (chịu thuế).

b) Hiện nay, có 02 doanh nghiệp thu phí: Trung tâm Đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ, được để lại 1,2% tiền phí thu được và Công ty cung cấp nước sạch thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt, được để lại tối đa 10% tiền phí thu được (HĐND cấp tỉnh quyết định mức để lại cụ thể). 02 doanh nghiệp này không cung cấp dịch vụ, chỉ thu phí hộ Nhà nước.

- Tại Tờ trình số 67/BTC-TTr ngày 09/6/2016 trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết Luật phí và lệ phí (Chính phủ ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP), Bộ Tài chính đã báo cáo:

*Tiền phí được để lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp nên tại các văn bản thu phí đã quy định số tiền được để lại hạch toán vào doanh thu chung của doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện khai, nộp thuế TNDN (nếu có).*

*Nếu không quy định số tiền được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí thì tổ chức thu phí phải hạch toán riêng khoản thu này và cơ quan nhà nước phải thực hiện quy trình lập, giao dự toán, quyết toán tiền phí được để lại tương tự như cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Điều này, không phù hợp với cơ chế tài chính của doanh nghiệp.*

*Thực chất đây là khoản tiền Nhà nước trả cho doanh nghiệp để tổ chức thực hiện thu phí (thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP) nên quy định khoản tiền này là doanh thu của doanh nghiệp là phù hợp.*

- Tại công văn thẩm định dự thảo Nghị định (công văn số 146/BTP-PLDSKT ngày 31/5/2016 của Bộ Tư pháp), Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp đã nhất trí với giải trình của Bộ Tài chính nêu trên.

- Theo quy định pháp luật thuế thì dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thuộc diện chịu thuế (GTGT, TNDN).

Để đảm bảo minh bạch chính sách, cần bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP theo hướng: *Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.* ***Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp thuế (TNDN, GTGT) theo quy định pháp luật****.*

**3. Về quản lý và sử dụng phí**

Tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định về quản lý và sử dụng tiền phí được để lại cho cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp thu phí; khoản 5 áp dụng cho cả cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp được giao thu phí[[2]](#footnote-2).

***3.1. Về quản lý, sử dụng tiền phí cho cơ quan nhà nước***

Theo nội dung sửa đổi về cơ quan nhà nước thu phí tại điểm 1 nêu trên, chỉ còn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại tiền phí thu được.

Do đó, cần điều chỉnh nội dung quy định về quản lý, sử dụng tiền phí đối với cơ quan nhà nước thu phí (khoản 2 Điều 5 mới) như sau: *“2. Số tiền phí để lại cho Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để chi phục vụ cho hoạt động theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động đối ngoại”****.***

Tiền phí để lại là một trong nhiều nguồn thu và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn thu của cơ quan thu phí. Việc quy định cụ thể nội dung chi từ tiền phí để lại sẽ khó khăn cho việc hạch toán, phân bổ thu, chi của cơ quan này.

Cơ chế tài chính của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Chính phủ quy định. Khi Chính phủ ban hành cơ chế sẽ nghiên cứu quy định sử dụng tiền phí phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí, Luật NSNN và các Luật khác liên quan.

***3.2. Về quản lý, sử dụng phí của đơn vị sự nghiệp***

a) Nội dung quy định về quản lý, sử dụng phí tại Nghị định 120/2016/NĐ-CP đồng bộ với quy định về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Tiền phí để lại để chi các nội dung phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP); chênh lệnh thu, chi theo dự toán được trích lập các Quỹ: phát triển sự nghiệp bổ sung thu nhập, khen thưởng, phúc lợi (theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP).

- Tiền phí để lại không chịu thuế TNDN; đơn vị sự nghiệp được chi đầu tư từ Quỹ phát triển sự nghiệp.

Quy định trên phù hợp với các mô hình tự chủ của đơn vị sự nghiệp: tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên; tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp được cổ phần hóa chuyển thành doanh nghiệp, khi đó, doanh nghiệp sẽ cung cấp dịch vụ và thu tiền theo cơ chế giá dịch vụ *(như trường hợp Văn phòng công chứng - tại điểm 1.1 nêu trên)*.

b) Quy định về quản lý, sử dụng phí tại khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP áp dụng chung cho cả cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

Tại dự thảo Nghị định, đã quy định riêng về tiền phí để lại cho cơ quan nhà nước (điểm 2.1 trên).

Nội quy định về quản lý, sử dụng phí đối với đơn vị sự nghiệp không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. Thực tế, không phát sinh các trường hợp đặc thù đối với đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa lại quy định về quản lý, sử dụng tiền phí để lại cho đơn vị sự nghiệp theo hướng:

*3. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:*

*a) Chi thường xuyên ......*

*b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: ....*

*c) Số tiền phí để lại cho đơn vị sự nghiệp công lập tại điểm a, điểm b Khoản này thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.*

***3.3. Quy định về chuyển nguồn***

Quy định khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP chỉ phù hợp với tổ chức thu phí là cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Đối với tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thu phí (doanh nghiệp), thì số tiền phí để lại được hạch toán vào doanh thu của đơn vị, xác định kết quả kinh doanh, nộp thuế theo quy định. Sau khi nộp thuế, doanh nghiệp được quản lý và sử dụng tiền phí của mình theo quy định Luật doanh nghiệp.

Như vậy, việc quy định chuyển nguồn đối với doanh nghiệp thu phí là không cần thiết, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định về chuyển nguồn chỉ áp dụng đối với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và đơn vị sự nghiệp công lập thu phí.

**4. Về tổ chức thực hiện**

- Tại Điều 20 Luật phí và lệ phí quy định về trách nhiệm của các Bộ: *4. ... kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý*.

- Tại Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

*1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:*

*a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính), .....*

*3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:*

*a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành, lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.*

Quy định nêu trên chỉ phù hợp đối với khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính; chưa thể hiện rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Dẫn đến các Bộ, ngành chưa tập trung trách nhiệm của mình trong việc xây dựng đề xuất thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Chẳng hạn như phí BVMT đối với khí thải, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn đề nghị các Bộ, ngành xây dựng Đề án thu phí gửi Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính xây dựng Nghị định trình Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ chưa đề xuất.

Vì vậy, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của các Bộ liên quan:

*c) Trường hợp khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan xây dựng đề án và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.*

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí.

**BỘ TÀI CHÍNH**

1. Theo công văn số 6239/BTC-HCSN ngày 28/5/2018, Bộ Tài chính báo cáo TTCP: có 17 cơ quan nhà nước áp dụng cơ chế tài chính đặc thù có thu phí và được để lại 1 phần tiền phí để sử dụng, trong đó:

   - Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp (10 cơ quan):

   + Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Quyết định của TTCP gồm: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Viễn thông, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ TT&TT); Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN); Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản (Bộ Nông nghiệp &PTNT).

   + Các cơ quan áp dụng cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp theo Nghị định của Chính phủ gồm: Cảng vụ đường thủy nội địa, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ hàng hải (Bộ GTVT).

   - Cơ quan áp dụng cơ chế DNNN: Cục Đăng kiểm Việt Nam (theo Quyết định của TTCP).

   - Cơ quan áp dụng cơ chế tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP nhưng được mở rộng tự chủ chi (04 cơ quan): Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính); Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam (Bộ GTVT) và Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Bộ Văn hóa, TT&DL).

   Ngoài các cơ quan nêu trên:

   - Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) được UBTVQH ban hành Nghị quyết cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù. TCHQ có thu phí hải quan, tuy nhiên, số tiền phí hải quan được để lại (khoảng 160 tỷ đồng/năm) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (bằng khoảng 3%) so với số tiền NSNN cấp hàng năm (gần 6.000 tỷ đồng/năm).

   - Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao) được Chính phủ cho áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, sau khi được UBTVQH chấp thuận. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định:

   *2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:*

   *a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập): ......*

   *b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):.......*

   *3. Ngoài các nội dung chi tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ hoặc TTCP cho phép sử dụng tiền phí được để lại để chi cho các nội dung khác thì thực hiện chi theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP. Trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ hoặc TTCP, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP.*

   *4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc TTCP về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.*

   *5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.* [↑](#footnote-ref-2)